

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên 2025 (sau soát xét) với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

- Mã chứng khoán: PIC

- Địa chỉ trụ sở chính: 78A Duy Tân, P. Hòa Cường, TP Đà Nẵng, Việt Nam

- Địa chỉ văn phòng điều hành: Tầng 3, số 143 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng, Việt Nam

- Điện thoại: 0236.2210027 - 0236.2212545 Fax: 0236.2221000

- E-mail: p5pc3icbtt@cpc.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2025 (sau soát xét)

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☒ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/kiểm toán)

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 18/07/2025 tại đường dẫn <https://pc3invest.cpc.vn/quan-he-co-dong/bao-cai-tai-chinh/128007044/page/1>.

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2025.

Trong năm 2025, tại Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 không có các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 (sau soát xét)./. *như*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TC.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Huy Khôi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 – 35

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổ kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Lê Văn Nghiệp	Chủ tịch	
Ông Lê Huy Khôi	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	
Ông Trần Đình Lợi	Thành viên	
Ông Trần Công Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/04/2025
Ông Nguyễn Tấn Lực	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/04/2025
Ông Trần Đăng Hiền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/04/2025
Ông Nguyễn Trọng Vĩnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/04/2025

Tổ kiểm toán nội bộ

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Hương	Tổ trưởng
Ông Trần Vĩnh Trinh	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thùy Dương	Thành viên

Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Lê Kỳ Anh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 16/04/2025
Bà Huỳnh Thị Thùy Dương	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 16/04/2025
Bà Hoàng Thị Hương	Thành viên	
Ông Dương Ngọc Thỉnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/04/2025
Ông Vũ Ngọc Thư	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/04/2025

Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Huy Khôi	Tổng Giám đốc
Ông Trần Vĩnh Trinh	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Lê Huy Khôi, Tổng Giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán giữa niên độ được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc nhân



Lê Huy Khôi
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 07 năm 2025

Số: 324/2025/BCSX-E.AFA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 07 năm 2025, từ trang 5 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Kim Văn Việt

Giám đốc Kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1486-2023-240-1

Người được ủy quyền

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 15 tháng 07 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		88.518.135.143	79.000.867.628
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	26.761.676.088	15.070.649.584
1. Tiền	111		5.261.676.088	570.649.584
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.500.000.000	14.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		28.029.238.356	20.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	28.029.238.356	20.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.816.993.855	37.126.533.042
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	15.142.272.550	22.997.272.603
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	8.058.156.941	12.804.997.261
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	1.616.564.364	1.324.263.178
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	625.261.132	424.547.630
1. Hàng tồn kho	141		625.261.132	424.547.630
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.284.965.712	6.379.137.372
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	485.015.902	325.873.789
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.799.949.810	6.053.263.583
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		352.675.658.096	354.284.850.456
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		308.264.926.212	327.244.617.453
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	303.310.044.419	322.278.924.050
Nguyên giá	222		654.522.945.834	654.522.945.834
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(351.212.901.415)	(332.244.021.784)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	4.954.881.793	4.965.693.403
Nguyên giá	228		5.142.799.409	5.142.799.409
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(187.917.616)	(177.106.006)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		40.112.202.259	22.268.786.691
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	40.112.202.259	22.268.786.691
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.298.529.625	4.771.446.312
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	1.625.250.557	2.084.137.577
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.673.279.068	2.687.308.735
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		441.193.793.239	433.285.718.084

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		47.203.731.683	63.654.454.219
I. Nợ ngắn hạn	310		17.203.731.683	23.654.454.219
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	3.280.609.153	1.081.295.614
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	7.347.705.029	5.265.783.633
3. Phải trả người lao động	314	4.13	933.746.668	8.382.976.353
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	39.358.361	2.190.179.990
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	2.677.455.509	2.793.206.909
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.924.856.963	3.941.011.720
II. Nợ dài hạn	330		30.000.000.000	40.000.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.16	30.000.000.000	40.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		393.990.061.556	369.631.263.865
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.17	393.990.061.556	369.631.263.865
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		333.398.910.000	333.398.910.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		333.398.910.000	333.398.910.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(35.000.000)	(35.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	1.131.301.456
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60.626.151.556	35.136.052.409
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		30.420.662.146	2.930.498.523
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.205.489.410	32.205.553.886
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		441.193.793.239	433.285.718.084



Lê Huy Khôi
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 07 năm 2025

Nguyễn Minh Hoài
Kế toán trưởng

Diệp Lê Trúc Xuyên
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	74.613.740.753	48.696.772.357
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		74.613.740.753	48.696.772.357
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	31.579.537.930	27.972.767.604
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43.034.202.823	20.724.004.753
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	466.600.286	358.951.843
7. Chi phí tài chính	22	5.4	1.058.561.644	1.195.506.849
Trong đó, chi phí lãi vay	23		1.058.561.644	1.195.506.849
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	5.878.972.449	6.023.240.819
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36.563.269.016	13.864.208.928
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	5.6	5.849.590	2.307.057
13. Lợi nhuận khác	40		(5.849.590)	(2.307.057)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.557.419.426	13.861.901.871
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	7.483.231.472	1.426.179.371
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		29.074.187.954	12.435.722.500
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.17.5	728	318
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.17.6	728	318



Lê Huy Khôi
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 15 tháng 07 năm 2025

Nguyễn Minh Hoài
Kế toán trưởng

Diệp Lê Trúc Xuyên
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		36.557.419.426	13.861.901.871
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		18.979.691.241	18.048.418.043
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(46.701)	(91.196)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(466.553.585)	(358.860.647)
Chi phí lãi vay	06		1.058.561.644	1.195.506.849
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		56.129.072.025	32.746.874.920
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.916.020.424	17.876.668.808
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(186.683.835)	31.075.988
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(10.774.165.244)	(12.769.897.410)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		299.744.907	(913.721.618)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.077.397.260)	(1.201.616.438)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.937.622.963)	(2.236.790.313)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		78.750.000	26.500.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.810.295.020)	(2.991.386.246)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		40.637.423.034	30.567.707.691
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.280.826.036)	(13.641.563.905)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(8.029.238.356)	(6.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	9.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		394.872.561	516.347.442
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(18.915.191.831)	(10.125.216.463)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 03a – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.1	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(31.251.400)	(16.559.358.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.031.251.400)	(26.559.358.600)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		11.690.979.803	(6.116.867.372)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		15.070.649.584	21.799.771.938
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		46.701	91.196
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		26.761.676.088	15.682.995.762



Lê Huy Khôi
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 15 tháng 07 năm 2025

Nguyễn Minh Hoài

Nguyễn Minh Hoài
Kế toán trưởng

Diệp Lệ Trúc Xuyên

Diệp Lệ Trúc Xuyên
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Ban quản lý Dự án các Công trình Thủy điện vừa và nhỏ. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001787 ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 10 tháng 07 năm 2025 với mã số doanh nghiệp là 0400599162.

Công ty đã được chấp thuận giao dịch cổ phiếu niêm yết trên thị trường tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 828/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PIC. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán PIC là ngày 09 tháng 01 năm 2017 (theo sự chấp thuận của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại thông báo số 1356/TB-SGDHN ngày 27 tháng 12 năm 2016).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 333.398.910.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 78A Duy Tân, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 68 (31/12/2024: 67).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất kinh doanh điện năng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện. Đầu tư theo phương thức hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao cho các công trình giao thông, công nghiệp. Xây dựng và kinh doanh nhà, văn phòng cho thuê. Xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, bưu chính viễn thông, đường dây truyền tải và phân phối điện, trạm biến thế, công trình cấp thoát nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư, lập thiết kế và giám sát các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, lưới điện;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Khai thác thủy sản nội địa. Chi tiết: Khai thác thủy sản lòng hồ gắn liền với các công trình thủy điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét lòng hồ gắn liền với các công trình thủy điện.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có 02 đơn vị trực thuộc là:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 tại KonTum	Thôn Măng Đen, Xã Măng Đen, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 tại Quảng Trị	Thôn Húc Nghi, Xã Tà Rụt, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí trong suốt kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh đối với các thiết bị phục vụ đầu tư xây dựng dự án thủy điện, phương pháp bình quân gia quyền đối với hàng tồn kho còn lại và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.7. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Tại ngày 31/12/2024 và tại ngày 30/06/2025, số dư thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị vật tư dự phòng sửa chữa theo yêu cầu kỹ thuật tại Nhà máy thủy điện Đăk Pônê và Nhà máy thủy điện Đa Krông 1.

3.8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2025</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 30 năm
▪ Máy móc, thiết bị	05 – 20 năm
▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 30 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

Đối với máy móc, thiết bị và phương tiện truyền dẫn của Nhà máy Thủy điện Đăk Pônê bao gồm: thiết bị thủy điện, đường ống áp lực, đường dây và trạm biến áp nâng. Công ty khấu hao trong thời gian sử dụng ước tính của tài sản theo đơn vị sản phẩm.

3.9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Thời gian khấu hao ước tính cho phần mềm máy tính như sau:

	<u>Năm 2025</u>
▪ Phần mềm máy tính	5 – 10 năm

3.10. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.13. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.14. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.15. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.16. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.17. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.21. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Thu nhập từ bán điện thương phẩm phát từ Nhà máy Thủy điện Đăk Pône Tỉnh Kon Tum áp dụng mức thuế suất là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2010 đến năm 2024); được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2022) cho Dự án Đầu tư thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Những ưu đãi này được quy định trong Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính.
- Hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 10% đối với sản phẩm điện thương phẩm. Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% đối với điện thương phẩm kể từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 theo quy định tại Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ.
- Các hoạt động khác áp dụng theo mức thuế suất quy định hiện hành.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.24. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Xem thêm mục 7 trên Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3.25. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt tại quỹ		150.828.057		149.474.522
Tiền gửi ngân hàng		5.110.848.031		421.175.062
+ VND		5.108.871.992		419.245.724
+ USD	76,06 #	1.976.039	76,06 #	1.929.338
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng		21.500.000.000		14.500.000.000
Cộng		26.761.676.088		15.070.649.584

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn	28.029.238.356	28.029.238.356	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	28.029.238.356	28.029.238.356	20.000.000.000	20.000.000.000

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	15.142.272.550	22.997.272.603
Cộng	15.142.272.550	22.997.272.603
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	15.142.272.550	22.997.272.603

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Cơ khí và Lắp máy Đại Hân	581.198.111	1.949.507.764
Công ty Cổ phần IDI	2.550.061.407	2.550.061.407
Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng Nam Việt	1.123.759.999	3.382.039.998
Công ty Cổ phần 6.3	1.701.775.956	2.830.631.060
Các đối tượng khác	2.101.361.468	2.092.757.032
Cộng	8.058.156.941	12.804.997.261

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	13.100.000	-	-	-
Lãi dự thu	189.139.930	-	117.458.906	-
Phải thu về thuế thu nhập cá nhân	622.055.830	-	478.841.738	-
Phải thu khác	267.400.123	-	203.094.053	-
Ký cược, ký quỹ	524.868.481	-	524.868.481	-
Cộng	1.616.564.364	-	1.324.263.178	-
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	2.000.000	-	24.000.000	-

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	625.261.132	-	424.547.630	-
Cộng	625.261.132	-	424.547.630	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ.

4.7. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí kiểm định, bảo hiểm, chi phí khác	485.015.902	325.873.789
Cộng	485.015.902	325.873.789
Dài hạn:		
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	284.926.549	401.524.758
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, chi phí khác	1.340.324.008	1.682.612.819
Cộng	1.625.250.557	2.084.137.577

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2025	427.914.256.579	205.666.973.106	20.270.793.903	670.922.246	654.522.945.834
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2025	427.914.256.579	205.666.973.106	20.270.793.903	670.922.246	654.522.945.834
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2025	169.771.995.847	149.727.517.412	12.216.700.343	527.808.182	332.244.021.784
Khấu hao trong kỳ	10.480.843.380	7.805.948.669	663.942.154	18.145.428	18.968.879.631
Tại ngày 30/06/2025	180.252.839.227	157.533.466.081	12.880.642.497	545.953.610	351.212.901.415
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2025	258.142.260.732	55.939.455.694	8.054.093.560	143.114.064	322.278.924.050
Tại ngày 30/06/2025	247.661.417.352	48.133.507.025	7.390.151.406	124.968.636	303.310.044.419

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại thời điểm cuối kỳ là 188.261.254.146 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm cuối kỳ là 15.890.076.845 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2025	4.857.693.636	285.105.773	5.142.799.409
Tăng trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2025	4.857.693.636	285.105.773	5.142.799.409
Khấu hao:			
Tại ngày 01/01/2025	-	177.106.006	177.106.006
Khấu hao trong kỳ	-	10.811.610	10.811.610
Tại ngày 30/06/2025	-	187.917.616	187.917.616
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2025	4.857.693.636	107.999.767	4.965.693.403
Tại ngày 30/06/2025	4.857.693.636	97.188.157	4.954.881.793

Quyền sử dụng đất lâu dài tại Lô 7 + Lô 8 Khu B2-54, KĐT sinh thái ven sông Hòa Xuân – Giai đoạn 2, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 636281 được Sở Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng cấp ngày 11/10/2017.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm cuối kỳ là 68.873.653 VND.

Không có tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại thời điểm cuối kỳ.

4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Dự án công trình nhà máy thủy điện Đắk Pônê (nâng đập hồ A và xây dựng cụm nhà máy hồ B)	26.550.129.736	13.047.894.983
Dự án trụ sở làm việc PC3-INVEST	11.106.268.065	6.775.087.250
Dự án điện gió Tân Lập	2.455.804.458	2.445.804.458
Cộng	40.112.202.259	22.268.786.691

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần IDI	310.029.219	310.029.219	310.029.219	310.029.219
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại - Dịch vụ tổng hợp Trí Dũng	787.315.315	787.315.315	568.228.881	568.228.881
Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng Nam Việt	678.043.636	678.043.636	-	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Lắp máy Đại Hân	547.323.861	547.323.861	-	-
Các đối tượng khác	957.897.122	957.897.122	203.037.514	203.037.514
Cộng	3.280.609.153	3.280.609.153	1.081.295.614	1.081.295.614

4.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2025	Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2025
	VND	VND		VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/ Khấu trừ	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	1.066.209.536	5.969.099.261	6.527.781.149	1.624.891.424
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.783.785.598	7.483.231.472	3.937.622.963	1.238.177.089
Thuế thu nhập cá nhân	17.417.236	1.557.012.562	1.544.432.196	4.836.870
Thuế tài nguyên	1.116.382.591	5.407.120.086	6.077.493.857	1.786.756.362
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	87.646.333	87.646.333	-
Lệ phí môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Thuế khác, phí và lệ phí	363.910.068	2.568.477.296	2.815.689.116	611.121.888
Cộng	7.347.705.029	23.078.587.010	20.996.665.614	5.265.783.633

4.13. Phải trả người lao động

	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
	VND	VND
Tiền lương phải trả CBNV	933.746.668	8.382.976.353
Cộng	933.746.668	8.382.976.353

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Chi phí lãi vay	33.904.110	52.739.726
Chi phí tư vấn bán chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs)	-	2.122.722.759
Chi phí phải trả khác	5.454.251	14.717.505
Cộng	39.358.361	2.190.179.990

4.15. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Nhận ký quỹ, ký cược	10.000.000	-
Cổ tức phải trả	2.667.167.740	2.698.419.140
Phải trả khác	287.769	94.787.769
Cộng	2.677.455.509	2.793.206.909

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Tại ngày 30/06/2025		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng (*)	30.000.000.000	30.000.000.000	-	10.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
Cộng	30.000.000.000	30.000.000.000	-	10.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000

Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 230/2023/CVTDH/VCB-KHDN ngày 20/12/2023:

- Số tiền vay: 50.000.000.000 VND;
- Thời hạn vay: từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn đầu tiên đến hết ngày 05/02/2027;
- Lãi suất vay trong hạn: Trong năm đầu tiên kể từ thời điểm giải ngân đầu tiên: 6 tháng đầu: 5,3%/năm; 6 tháng sau: 6,8%/năm. Các năm tiếp theo: lãi suất cơ sở + Biên độ 2,2%/năm;
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn;
- Mục đích vay: Cho vay trả nợ gốc trước hạn cho khoản vay của Khách hàng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt để đầu tư dự án: Thủy điện Đa Krông 1 tại xã Húc Nghi, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị theo hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD-PC3I ngày 22/10/2014 và các Phụ lục, các Văn bản sửa đổi, bổ sung đính kèm;
- Bảo đảm tiền vay: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành từ dự án Thủy điện Đa Krông 1 thuộc sở hữu của Công ty và máy móc thiết bị hình thành từ dự án Thủy điện Đa Krông 1 thuộc sở hữu của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.17. Vốn chủ sở hữu

4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
		Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2024	333.398.910.000	(35.000.000)	1.131.301.456	24.964.231.898	359.459.443.354
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	12.435.722.500	12.435.722.500
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.118.102.500)	(5.118.102.500)
Trích quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	(245.685.375)	(245.685.375)
Tại ngày 30/06/2024	333.398.910.000	(35.000.000)	1.131.301.456	32.036.166.523	366.531.377.979
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	19.769.831.386	19.769.831.386
Chia cổ tức	-	-	-	(16.669.945.500)	(16.669.945.500)
Tại ngày 01/01/2025	333.398.910.000	(35.000.000)	1.131.301.456	35.136.052.409	369.631.263.865
Lãi trong kỳ này	-	-	-	29.074.187.954	29.074.187.954
Trích quỹ thưởng ban điều hành (*)	-	-	-	(265.103.250)	(265.103.250)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(4.450.287.013)	(4.450.287.013)
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	(1.131.301.456)	1.131.301.456	-
Tại ngày 30/06/2025	333.398.910.000	(35.000.000)	-	60.626.151.556	393.990.061.556

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 46/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2025.

(**) Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 46/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2025 thông qua việc hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển (được phân phối từ lợi nhuận sau thuế của các năm trước đây) vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tổng Công ty điện lực Miền Trung	246.989.600.000	246.989.600.000
Các cổ đông khác	86.409.310.000	86.409.310.000
Cộng	333.398.910.000	333.398.910.000

4.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp đầu kỳ	333.398.910.000	333.398.910.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	333.398.910.000	333.398.910.000

4.17.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.339.891	33.339.891
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	33.339.891	33.339.891
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	33.339.891	33.339.891
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn CSH)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ):	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn CSH)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	33.339.891	33.339.891
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	33.339.891	33.339.891
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn CSH)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

4.17.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	29.074.187.954	12.435.722.500
Trích/tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	4.793.025.903	1.820.781.751
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.281.162.051	10.614.940.749
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	33.339.891	33.339.891
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	728	318

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.17.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	29.074.187.954	12.435.722.500
Trích/tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	4.793.025.903	1.820.781.751
Lãi sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	24.281.162.051	10.614.940.749
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	33.339.891	33.339.891
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	33.339.891	33.339.891
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	728	318

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ này đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi kế hoạch năm 2025 tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 46/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2025 phân bổ cho 6 tháng đầu năm 2025 theo tiêu chí lợi nhuận sau thuế, các chỉ tiêu này của 6 tháng đầu năm 2025 có thể sẽ thay đổi khi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2026 phê duyệt chính thức.

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi thực tế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 46/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2025 phân bổ cho 6 tháng đầu năm 2024 theo tiêu chí lợi nhuận sau thuế.

4.17.7. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 46/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2025, Đại hội đồng cổ đông đã quyết định chia cổ tức năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ 8% trên vốn điều lệ (tương ứng 26.671.912.800 VND). Theo đó, cổ tức của năm 2024 được dự kiến thanh toán bằng tiền với tỷ lệ 8% vào Quý II-III/2025.

4.17.8. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2025	1.131.301.456
Trích trong kỳ	-
Hoàn nhập trong kỳ	1.131.301.456
Tại ngày 30/06/2025	-

4.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
Ngoại tệ các loại:		
Tiền (USD)	76,06	76,06

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	74.613.740.753	48.696.772.357
Cộng	74.613.740.753	48.696.772.357
Trong đó, doanh thu với các bên liên quan - Xem thêm mục 8	74.613.740.753	48.696.772.357

5.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn điện thương phẩm	31.579.537.930	27.972.767.604
Cộng	31.579.537.930	27.972.767.604

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	466.553.585	358.860.647
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	46.701	91.196
Cộng	466.600.286	358.951.843

5.4. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	1.058.561.644	1.195.506.849
Cộng	1.058.561.644	1.195.506.849

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.223.474.223	3.033.819.197
Chi phí khấu hao tài sản cố định	244.301.868	244.301.868
Chi phí bằng tiền khác	2.411.196.358	2.745.119.754
Cộng	5.878.972.449	6.023.240.819

5.6. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí khác	5.849.590	2.307.057
Cộng	5.849.590	2.307.057

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	691.571.638	546.792.038
Chi phí nhân công	6.440.953.587	6.808.759.585
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.979.691.241	18.048.418.043
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.056.503.632	1.051.049.944
Chi phí khác bằng tiền	10.289.790.281	7.540.988.813
Cộng	37.458.510.379	33.996.008.423

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.557.419.426	13.861.901.871
- Hoạt động được ưu đãi (Nhà máy Đăk Pône)	-	14.915.467.776
- Hoạt động không được ưu đãi	36.557.419.426	(1.053.565.905)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	610.012.604	395.450.969
- Chi phí không được trừ	610.012.604	395.450.969
+ Hoạt động được ưu đãi	-	267.449.363
+ Hoạt động không được ưu đãi	610.012.604	128.001.606
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	37.167.432.030	14.257.352.840
- Hoạt động được ưu đãi	-	15.182.917.139
- Hoạt động không được ưu đãi	37.167.432.030	(925.564.299)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
+ Hoạt động được ưu đãi	10%	10%
+ Hoạt động không được ưu đãi	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.483.231.472	1.426.179.371
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	7.433.486.406	1.425.735.284
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	49.745.066	444.087

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền chi trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	10.000.000.000	10.000.000.000

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Văn phòng Công ty
- Chi nhánh Quảng Trị
- Chi nhánh Kon Tum

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Khu vực địa lý	Vấn phòng		Chi nhánh Kon Tum		Chi nhánh Quảng Trị		Tổng cộng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	-	-	45.609.211.439	29.868.092.334	29.004.529.314	18.828.680.023	74.613.740.753	48.696.772.357
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	-	-	45.609.211.439	29.868.092.334	29.004.529.314	18.828.680.023	74.613.740.753	48.696.772.357
Giá vốn hàng bán	-	-	14.234.590.906	11.326.962.601	17.344.947.024	16.645.805.003	31.579.537.930	27.972.767.604
Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ	-	-	31.374.620.533	18.541.129.733	11.659.582.290	2.182.875.020	43.034.202.823	20.724.004.753
Doanh thu hoạt động tài chính	466.555.497	358.905.150	25.125	13.247	19.664	33.446	466.600.286	358.951.843
Chi phí tài chính	-	-	-	-	1.058.561.644	1.195.506.849	1.058.561.644	1.195.506.849
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.444.660.321	5.242.760.137	259.652.049	423.050.733	174.660.079	357.429.949	5.878.972.449	6.023.240.819
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(4.978.104.824)	(4.883.854.987)	31.114.993.609	18.118.092.247	10.426.380.231	629.971.668	36.563.269.016	13.864.208.928
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí khác	5.598.263	566.731	-	1.727.396	251.327	12.930	5.849.590	2.307.057
Lợi nhuận khác	(5.598.263)	(566.731)	-	(1.727.396)	(251.327)	(12.930)	(5.849.590)	(2.307.057)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.983.703.087)	(4.884.421.718)	31.114.993.609	18.116.364.851	10.426.128.904	629.958.738	36.557.419.426	13.861.901.871
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	5.638.599.286	1.426.179.371	1.844.632.186	-	7.483.231.472	1.426.179.371
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(4.983.703.087)	(4.884.421.718)	25.476.394.323	16.690.185.480	8.581.496.718	629.958.738	29.074.187.954	12.435.722.500

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	Văn phòng		Chi nhánh Kon Tum		Chi nhánh Quảng Trị		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tài sản của bộ phận	116.994.791.308	82.422.520.209	123.543.583.015	134.770.474.735	200.655.418.916	216.092.723.140	441.193.793.239	433.285.718.084
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản							441.193.793.239	433.285.718.084
Nợ phải trả của bộ phận	13.748.134.970	15.762.323.138	1.810.097.337	4.498.380.516	31.645.499.376	43.393.750.565	47.203.731.683	63.654.454.219
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả							47.203.731.683	63.654.454.219

	Văn phòng		Chi nhánh Kon Tum		Chi nhánh Quảng Trị		Tổng cộng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí khấu hao	244.301.868	244.301.868	5.991.665.553	5.060.128.619	12.743.723.820	12.743.987.556	18.979.691.241	18.048.418.043

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty mẹ
2. Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	Cùng Công ty mẹ
3. Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hoà	Cùng Công ty mẹ
4. Công ty Điện lực Kon Tum	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
5. Công ty Công nghệ Thông tin Điện lực Miền Trung - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
6. Trung tâm Sản xuất Thiết bị Đo điện tử Điện lực Miền Trung - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Trung	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
7. Công ty Dịch vụ Điện lực miền Trung - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Trung	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
8. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa niên độ, số dư phải với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2025 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2025 VND</u>
Phải thu khách hàng:		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	15.142.272.550	22.997.272.603
Cộng - Xem thêm Mục 4.3	15.142.272.550	22.997.272.603

	<u>Tại ngày 30/06/2025 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2025 VND</u>
Phải thu khác:		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	2.000.000	24.000.000
Cộng - Xem thêm Mục 4.5	2.000.000	24.000.000

Trong kỳ, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bán hàng:		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	74.613.740.753	48.696.772.357
Cộng - Xem thêm Mục 5.1	74.613.740.753	48.696.772.357

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng:		
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	-	332.960.400
Công ty Điện lực Kon Tum	32.674.146	-
Công ty Công nghệ Thông tin Điện lực Miền Trung - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	44.449.400	-
Công ty Dịch vụ Điện lực miền Trung - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Trung	2.915.985	-
Cộng	80.039.531	332.960.400

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lê Văn Nghiệp	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Lê Huy Khôi	Thành viên HĐQT	31.771.200	-
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT	52.771.200	38.239.200
Ông Trần Đình Lợi	Thành viên HĐQT	52.771.200	30.613.200
Ông Trần Công Minh	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 16/04/2025)	16.546.500	-
Ông Nguyễn Tấn Lực	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 16/04/2025)	13.238.000	-
Ông Trần Đăng Hiền	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 16/04/2025)	39.533.200	38.239.200
Ông Nguyễn Trọng Vĩnh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 16/04/2025)	33.666.000	38.682.000
Ông Trần Nhất Thắng	Thành viên HĐQT (Hết nhiệm kỳ ngày 30/06/2023)	-	4.806.000
Ông Lê Kỳ Anh	Trưởng BKS (Bổ nhiệm ngày 16/04/2025)	17.209.000	-
Bà Huỳnh Thị Thuý Dương	Trưởng BKS (Miễn nhiệm ngày 16/04/2025)	-	-
Bà Hoàng Thị Hương	Thành viên BKS	50.212.500	31.056.000
Ông Dương Ngọc Thịnh	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 16/04/2025)	16.546.500	-
Ông Vũ Ngọc Thư	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 16/04/2025)	33.666.000	31.056.000
Bà Huỳnh Thị Kim Hoàng	Thành viên BKS (Hết nhiệm kỳ ngày 30/06/2023)	-	4.806.000
Bà Trần Thị Minh Hà	Thành viên BKS (Hết nhiệm kỳ ngày 30/06/2023)	-	4.806.000

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các nhân viên quản chủ chốt khác:

Họ và tên	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lê Văn Nghiệp	Chủ tịch HĐQT	429.983.600	270.654.500
Ông Ngô Tấn Hồng	Chủ tịch HĐQT (Hết nhiệm kỳ ngày 30/06/2023)	-	110.705.500
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT	7.875.000	7.210.500
Ông Trần Đình Lợi	Thành viên HĐQT	7.875.000	3.605.250
Ông Trần Công Minh	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 16/04/2025)	-	-
Ông Nguyễn Tấn Lực	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 16/04/2025)	-	-
Ông Trần Đăng Hiền	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 16/04/2025)	7.875.000	7.210.500
Ông Nguyễn Trọng Vĩnh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 16/04/2025)	7.875.000	7.210.500
Ông Trần Nhất Thắng	Thành viên HĐQT (Hết nhiệm kỳ ngày 30/06/2023)	-	3.605.250

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Họ và tên	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lê Huy Khôi	Tổng Giám đốc	415.449.090	373.433.580
Ông Nguyễn Dương Long	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/07/2024)	84.688.250	334.219.900
Ông Trần Vĩnh Trinh	Phó Tổng Giám đốc	366.308.500	334.797.900
Ông Nguyễn Minh Hoài	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 01/04/2024)	315.108.073	62.762.949
Ông Lê Kỳ Anh	Trưởng BKS (Bổ nhiệm ngày 16/04/2025)	-	-
Bà Huỳnh Thị Thuý Dương	Trưởng BKS (Miễn nhiệm ngày 16/04/2025)	262.166.400	181.708.900
Ông Nguyễn Minh Hoài	Trưởng BKS (Hết nhiệm kỳ ngày 30/06/2023)	-	60.328.900
Bà Hoàng Thị Hương	Thành viên BKS	7.875.000	3.605.250
Ông Dương Ngọc Thịnh	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 16/04/2025)	-	-
Ông Vũ Ngọc Thư	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 16/04/2025)	7.875.000	3.605.250
Bà Huỳnh Thị Kim Hoàng	Thành viên BKS (Hết nhiệm kỳ ngày 30/06/2023)	-	3.605.250
Bà Trần Thị Minh Hà	Thành viên BKS (Hết nhiệm kỳ ngày 30/06/2023)	-	3.605.250

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 26/06/2025, Hội đồng quản trị của Công ty đã ban hành Quyết định số 62/QĐ-HĐQT về việc chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ 8%/cổ phiếu, ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức là ngày 17/07/2025 và thanh toán cổ tức từ ngày 18/08/2025.

Ngày 10/07/2025, Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh Thành phố Đà Nẵng đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 của Công ty về việc thay đổi thông tin địa chỉ Công ty theo địa giới hành chính mới.

Ngoài ra, không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ.



Lê Huy Khôi
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 15 tháng 07 năm 2025

Nguyễn Minh Hoài
Kế toán trưởng

Diệp Lê Trúc Xuyên
Người lập